

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2018

*V/v Không công nhận
quan hệ vợ chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Hào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Phụng
2. Ông Nguyễn Đình Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Liên - Thư ký Tòa án

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 136/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018, về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ X, ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt);

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ X, ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn H trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988 nhưng không tổ chức đám cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 1998 trở đi thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà D không lo làm ăn, ham chơi với bạn bè, tính tình hai người không còn phù hợp nhau. Mặc dù ông H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả mâu thuẫn gia đình ngày càng nặng nề, không thể hàn gắn. Ông và bà D đã ly thân nhau từ năm 1998 đến nay. Vì vậy ông H xác định không còn tình cảm với bà D, yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông H và bà D.

Về con chung: Ông H và bà D có 02 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh

ngày 30/6/1989 và Nguyễn Thị H2, sinh ngày 05/8/1992. Các con đã trưởng thành nên ông H không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông H không trình bày gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà D xác định ông H đã trình bày đúng về quá trình tìm hiểu, tự nguyện chung sống không có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình hai người không phù hợp nhau dẫn đến ly thân, không ai quan tâm đến ai. Bà D thừa nhận do không am hiểu pháp luật nên ông bà chung sống với nhau nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Đến năm 1998, do vợ chồng mâu thuẫn nên bà D và ông H đã ly thân. Nay bà D cũng yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà và ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 30/6/1989 và Nguyễn Thị H2, sinh ngày 05/8/1992. Các con đã trưởng thành nên bà D không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án tuyên bố “Không công nhận quan hệ vợ chồng” với bà Nguyễn Thị D, trú tại: Tổ X, ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, quan hệ pháp luật là “Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D, đã đủ tuổi, cùng tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1988, nhưng đến nay không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000, điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001, xác định hôn nhân của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 30/6/1989 và Nguyễn Thị H2, sinh ngày 05/8/1992. Do các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà D không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000, điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D có 02 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 30/6/1989 và Nguyễn Thị H2, sinh ngày 05/8/1992. Do các con chung đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

Ông Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000974 ngày 04-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Nguyễn Văn H đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS huyện Tân Thành;
- VKSND huyện Tân Thành;
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Đặng Đức Hòa